TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 19 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung,* giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn B, xã X, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn L1, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thôn B, xã X, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn L1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn L1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn L1 thống nhất có 03 con chung là Bùi Thảo M, sinh ngày 22/02/2009; Bùi Văn L2, sinh ngày 15/11/2012 và Bùi Thị T, sinh ngày 13/4/2019.

Hai bên thỏa thuận: Khi ly hôn, anh L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L2 và cháu T; chị L trực tiếp nuôi cháu M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản và công nợ:* Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn L1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn L1 thống nhất: Chị Bùi Thị L chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị L phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004551 ngày 31/12/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Thanh Hóa. Chị L được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng THADS khu vực 9;
- UBND xã Xuân Du;
- Lưu hồ sơ.

Lê Đình Huy